

Số: 159 /TB-SXD

Hải Phòng, ngày 9 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin giá vật liệu xây dựng
trên địa bàn thành phố Hải Phòng tháng 1 năm 2026

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD và Thông tư số 09/2025/TT-BXD);

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng...

Căn cứ Quyết định số 4857/UBND-XD ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền công bố Chỉ số giá xây dựng; Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; Đơn giá nhân công xây dựng; Giá ca máy và thiết bị thi công; Giá thuê máy và thiết bị thi công trên địa bàn thành phố;

Căn cứ văn số 30/CV-HCDC đề ngày 06/3/2026 và Hồ sơ khảo sát giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tháng 1/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng;

Thực hiện công tác quản lý Nhà nước về xây dựng và vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, Sở Xây dựng thông báo về việc công bố thông tin giá vật liệu xây dựng và một số vật tư thiết bị công trình xây dựng thời điểm tháng 1 năm 2026 làm cơ sở để chủ đầu tư tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, như sau:

I. Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng được tổng hợp chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, giảm giá, hoa hồng... (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh; không có giá trị dùng để thanh toán, quyết toán (việc thanh toán, quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành)

Tổng hợp giá một số loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn các phường, xã, đặc khu - thành phố Hải Phòng căn cứ: (1) Báo cáo kết quả khảo sát của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng;

(2) Bảng cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng tổng hợp tháng 1 năm 2026 do Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu cung cấp (Phụ lục kèm theo);

Bảng báo giá của các tổ chức, cá nhân có đăng ký sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá một số loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng/hoặc cung cấp từ nơi khác vận chuyển đến địa bàn thành phố Hải Phòng đăng tải trên website Sở Xây dựng.

II. Một số vấn đề cụ thể

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn của các Sở chuyên ngành, địa điểm xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý, xác định cước phí vận chuyển, bóc xếp vật liệu đến hiện trường xây dựng, từ đó xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

2. Đối với một số loại vật liệu trong từng thời điểm có biến động lớn (cả tăng và giảm), thay đổi liên tục trong thời gian ngắn (từng ngày): Chủ đầu tư cần chủ động cập nhật giá vật liệu phù hợp với giá thị trường theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thực hiện thi công công trình và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Đối với vật liệu cát đen phục vụ san lấp bằng phương pháp bơm cát từ sà lan hoặc bãi tập kết vật liệu: Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng cát đen trước khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình. Giá của loại vật liệu này phải phù hợp với biện pháp thi công, độ chặt san lấp và các quy định có liên quan.

4. Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng cho các công trình phải có chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng hàng hoá theo quy định.

5. Thông tin giá của các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố thông tin giá hoặc đã có nhưng giá chưa phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD và Thông tư số 09/2025/TT-BXD). Có thể tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự được công bố tại các địa phương lân cận đảm bảo mức giá phù hợp tại thời điểm xác định chi phí.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động về giá và nguồn cung đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng Hải Phòng để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND thành phố (để b/c);
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Các Ban QL dự án ĐTXD của thành phố.
- Sở Tài chính;
- Website SXD;
- Lưu: VT, KTQLĐTXD.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Hải

Số: 132/GTTN-TT
Về việc công bố giá VLXD

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng

Trước hết, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên xin trân trọng cảm ơn Sở Xây dựng Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh trên địa bàn Hải Phòng và cho công bố giá bán các sản phẩm do Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên sản xuất tại địa bàn Hải Phòng.

Căn cứ vào yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng “Về việc đăng ký cung cấp thông tin và gửi hồ sơ đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng tại Sở Xây dựng Hải Phòng, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đề nghị Quý Sở cho công bố giá, vật liệu xây dựng định kỳ tại sở Xây dựng như sau:

Danh mục hồ sơ gửi kèm theo:

1. Bảng Giá bán của sản phẩm (kê khai theo mẫu).
 2. Thông tin về địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy sản xuất sản phẩm.
 3. Thông tin liên lạc của người phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, email, số fax).
 4. Danh sách các điểm phân phối sản phẩm tại Hải Phòng: Hệ thống các NPP1, NPP2.
 5. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp
 6. Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Quý Sở trong thời gian tới.

Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TT

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỊ TRƯỜNG



Vũ Thanh Sơn

**THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH VÀ NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHÍNH,
THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ.**

(Kèm theo văn bản số 132/GTTN-TT) Ngày 26 tháng 02 năm 2026

1. Trụ sở Công ty:

Địa chỉ: Tổ dân phố Cam Giá 13, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02803 832236; Fax: 02803 832056

- Nhà máy Cán thép Thái Nguyên:

Địa chỉ: Tổ dân phố Cam Giá 13, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 835097; Fax: 02803 835097

- Nhà máy Cán thép Lưu Xá:

Địa chỉ: Tổ dân phố Cam Giá 13, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 832486; Fax: 02803 832486

- Công ty CP Cán thép Thái Trung - TTR:

Địa chỉ: Tổ dân phố Cam Giá 13, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 735690; Fax: 02083 735716

2. THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ GIÁ.

Ông Vũ Thanh Sơn; Chức vụ : Trưởng phòng thị trường.

Điện thoại: 0903 497113

Email : sonvt@tisco.com.vn

3. HỆ THỐNG CÁC NHÀ PP CẤP 1 CỦA CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng

Địa chỉ: Tổ dân phố số 8, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên.

Điện Thoại: 02083 855276.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội – VNSTEEL tại Hải Phòng

Địa chỉ: Số 161 Đường 5 mới, Tổ Dân Phố Mỹ Tranh, Phường An Dương, TP Hải Phòng.

Điện Thoại: 0983.727.666.

Danh sách một số NPP2 tại địa bàn phân phối sản phẩm thép TISCO:

TT	Đơn vị	Địa chỉ, số điện thoại
1	Công ty TNHH Thương mại Cường Tuyên	Tổ dân phố 1, Phường Lưu Kiếm, TP Hải Phòng ĐT: 0913329542 – 0975119140 – 0961746934
2	Chi nhánh Công ty CP Kim khí HN - Vnsteel- Tại Hải Phòng	Số 161 Đường 5 mới, Tổ dân phố Mỹ Tranh, Phường An Dương, TP Hải Phòng ĐT: 02253836910 – 0983727666
3	Công ty TNHH Thương Hiệu Trần	Số 263, tổ dân phố số 6 Do Nha, Phường An Dương, TP Hải Phòng ĐT: 0904223555 – 0904059555
4	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ vận tải Hùng Minh	Số nhà 8 Đường Do Nha, Phường Hồng An, TP Hải Phòng ĐT: 0972208445
5	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Ngàn	Số 3, khu 6, Phường Hồng An, TP Hải Phòng ĐT: 02253850444

- Ghi chú: Ngoài các NPP1, NPP2 ở trên ra. TISCO còn có các hệ thống, cửa hàng nhỏ lẻ khác phân phối sản phẩm TISCO tại thị trường Hải Phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
PHÒNG THỊ TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 02 năm 2026

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 132 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên)

Đơn vị tính: đồng/tấn

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng *	Đơn vị tính*	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển *	Giá bán (chưa VAT) thanh toán ngay*	Giá bán (chưa VAT) thanh toán chậm có bảo lãnh*	Ghi chú
										Tại Kho NM (tại Thái Nguyên)		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]
1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T,d8-T cuộn	đồng/tấn	TCVN 1651 -1-2018	Cuộn	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.250.000	14.370.000	
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8 cuộn	đồng/tấn	JIS G 3112-2020, TCVN 1651-2-2018	Cuộn	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.250.000	14.370.000	
3	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300, Gr40-V d10	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018 Việt Nam, ASTM A615/A615M - 20	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.700.000	14.820.000	
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d12	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.500.000	14.620.000	
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40, CB300-V d14 + D40	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018, ASTM A615/A615M -20	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.450.000	14.570.000	
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d10	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	15.200.000	15.320.000	
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d12	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	15.000.000	15.120.000	
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d14 + D32	đồng/tấn	TCVN 1651 -2-2018	L=11,7m	TISCO	Việt Nam	Thanh toán trước	Giá bán giao trên phương tiện vận tải bên mua	14.950.000	15.070.000	

- Ghi chú: Giá bán thép TISCO theo quyết định số 100/QĐ-GTTN ngày 05/02/2026.

TRƯỞNG PHÒNG THỊ TRƯỜNG

Vũ Thanh Sơn

LẬP BIỂU

Tô Duy Hiếu

Số:100/QĐ-GTTN

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ vào tình hình sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường;

Căn cứ tờ trình số 29/TTr-TT ngày 05/02/2026 về việc điều chỉnh giá bán sản phẩm đã được Tổng giám đốc phê duyệt;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành giá bán sản phẩm thép cốt bê tông tại Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Mức giá trên là giá giao hàng tại kho bãi bên bán (Tại Thái Nguyên) trên phương tiện vận tải bên mua.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 02 năm 2026. Các mức giá trước đây không phù hợp với quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Ông chánh văn phòng Công ty, các phòng chức năng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Phòng TCKT
- Lưu VT, P.KHKD



Nguyễn Minh Hạnh



Bảng phụ lục giá bán thép cốt bê tông tại công ty

Kèm theo quyết định số: **100/QĐ-GTTN** ngày 05 tháng 02 năm 2026

Số TT	Tên và quy cách sản phẩm	ĐVT	Giá bán (chưa thuế VAT) Thanh toán ngay	Giá bán (chưa thuế VAT) Thanh toán chậm có bảo lãnh
A	B	C	1	2
	Thép đạt quy cách hoặc theo đơn đặt hàng			
1	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T,d8-T cuộn	đồng/tấn	14.250.000	14.370.000
2	Thép vằn SD295A, CB300-V D8 cuộn	"	14.250.000	14.370.000
3	Thép thanh vằn SD295A, CB300-V D9 L=11,7m	"	14.750.000	14.870.000
4	Thép vằn CT5, SD295A, CB300-V D10 cuộn	"	14.300.000	14.420.000
5	Thép thanh vằn CT5,SD295A,Gr40 D10 L=11,7m	"	14.700.000	14.820.000
6	Thép thanh vằn CT5,SD295A, CB300-V D12 L=11,7m	"	14.500.000	14.620.000
7	Thép thanh vằn CT5,SD295A,CB300-V D14 L=11,7m	"	14.450.000	14.570.000
8	Thép thanh vằn CT5,SD295A,Gr40 D16 L=11,7m	"	14.450.000	14.570.000
9	Thép thanh vằn CT5,SD295A, CB300-V D18+40 L=11,7m	"	14.450.000	14.570.000
10	Thép thanh vằn CB300-V, CB400-V, CB500-V D10 L=11,7m	"	15.200.000	15.320.000
11	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V D12 L=11,7m	"	15.000.000	15.120.000
12	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V D14+40, CB300-V D16 L=11,7m	"	14.950.000	15.070.000



Handwritten signature or stamp in red ink.

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Số: 11/QĐ-GTTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V.v ban hành giá bán thép hình tại công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ vào giá thành sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường;

Căn cứ tờ trình số 36/TTr-TT ngày 11/02/2026 về việc điều chỉnh giá bán sản phẩm thép góc đã được Tổng giám đốc phê duyệt;

Theo đề nghị của Ông trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành giá bán sản phẩm thép hình các loại tại Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Mức giá trên là giá giao hàng tại kho bãi bên bán (Tại Thái Nguyên) trên phương tiện vận tải bên mua.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026. Các mức giá trước đây không phù hợp với quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Ông chánh văn phòng Công ty, các phòng chức năng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Phòng TCKT
- Lưu VT, P.KHKD



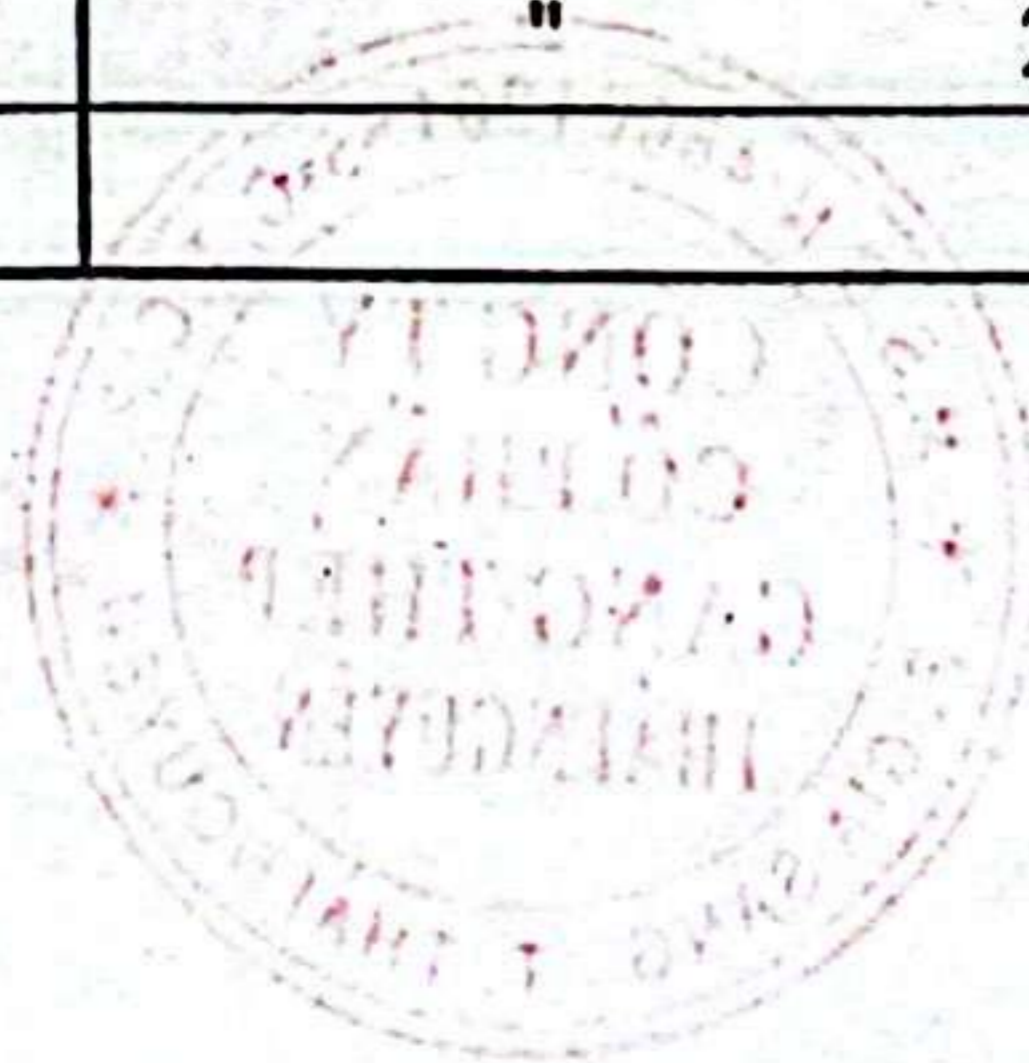
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hạnh

**BẢNG PHỤ LỤC GIÁ BÁN THÉP CÁN TẠI CÔNG TY**

Kính theo quyết định số: 117/QĐ-GTTN ngày 11 tháng 2 năm 2026

Số TT	TÊN VÀ QUY CÁCH SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (CHƯA THUẾ VAT)	
			THANH TOÁN NGAY	THANH TOÁN CHẬM CÓ BẢO LÃNH
A	B	C	1	2
	<i>Thép hình</i>			
1	Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	Đống/tấn	14.850.000	14.970.000
2	Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	Đống/tấn	14.650.000	14.770.000
3	Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	14.650.000	14.770.000
4	Thép góc L63+65 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	14.600.000	14.720.000
5	Thép góc L70+80 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	14.550.000	14.670.000
6	Thép góc L90 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	14.400.000	14.520.000
7	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	14.400.000	14.520.000
8	Thép góc L120+130 SS400, CT38, CT42 L=6m; 9m; 12m	"	15.650.000	15.770.000
9	Thép góc L150 SS400 L=6m; 9m; 12m	"	16.000.000	16.120.000
10	Thép góc L100 SS540 L=6m; 9m; 12m	"	16.000.000	16.120.000
11	Thép góc L120+130 SS540 L=6m; 9m; 12m	"	16.000.000	16.120.000
12	Thép góc L150 SS540 L=6m; 9m; 12m	"	16.400.000	16.520.000
13	Thép C8+10 SS400, CT38, CT42 L= 6m; 9m; 12m	"	14.450.000	14.570.000
14	Thép C12 SS400, CT38, CT42 L= 6m; 9m; 12m	"	14.500.000	14.620.000
15	Thép C14 SS400, CT38, CT42 L= 6m; 9m; 12m	"	14.750.000	14.870.000
16	Thép C15 SS400, CT38, CT42 L= 6m; 9m; 12m	"	14.750.000	14.870.000
17	Thép C16 SS400, CT38, CT42 L= 6m; 9m; 12m	"	14.750.000	14.870.000
18	Thép I10 SS400, CT38, CT42 L = 6m; 9m; 12m	"	15.000.000	15.120.000
19	Thép I12 SS400, CT38, CT42 L = 6m; 9m; 12m	"	14.950.000	15.070.000
20	Thép I15 SS400, CT38, CT42 L = 6m; 9m; 12m	"	15.200.000	15.320.000
21	Thép ngắn dài (L40-L75) các loại			
	Độ dài 9m < L < 12 m	"	13.970.000	
	" 6m < L < 9 m	"	13.660.000	
	" 4m ≤ L < 6 m	"	13.350.000	
	" 2m ≤ L < 4 m	"	13.030.000	
22	Thép ngắn dài (L80-L150, C, I) các loại			
	Độ dài 9m < L < 12 m	"	13.850.000	
	" 6m < L < 9 m	"	13.530.000	
	" 4m ≤ L < 6 m	"	13.250.000	
	" 2m ≤ L < 4 m	"	12.970.000	



Hàng bán, không phải.

Mẫu số 01

**Công ty Cổ Phần Tập
Đoàn VAS Nghi Sơn**
Số:007/CV.26/VASG-PKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 02 năm 2026

V/v: Đăng ký cung cấp
thông tin phục vụ công bố
giá vật liệu xây dựng, thiết
bị công trình của tỉnh

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hải Phòng

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Công ty Cổ phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn gửi hồ sơ đề nghị xem xét công bố giá sản phẩm Thép xây dựng vào Công bố giá vật liệu, thiết bị định kỳ của tỉnh/thành phố .

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn
2. Địa chỉ: Khu Liên hiệp Gang Thép Nghi Sơn – Khu kinh tế Nghi Sơn, Phường Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá
3. Điện thoại: 0977838826

II. Thành phần hồ sơ bao gồm

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp
2. Bảng giá niêm yết giá sản phẩm của đơn vị (*thực hiện theo mẫu số 02*)
3. Công Văn xin đăng ký giá

III. Thời điểm mức giá có hiệu lực: 01/02/2026

IV. Cam kết của Công ty

1. Các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;
2. Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật;
3. Các sản phẩm, hàng hóa đăng ký công bố thông tin đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;
4. Giá đăng ký công bố là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của Công ty (thực tế Công ty đang bán).
5. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác trong thời gian giá có hiệu lực, Công ty sẽ thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng để cập nhật.

Công ty Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



Võ Minh Chương

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 007 ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Công ty Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn VAS Nghi Sơn)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế VAT)*	Giá bán (đã bao gồm thuế VAT)*	Khả năng cung ứng	Ghi chú
										Khu vực Tỉnh Hải Phòng MR			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	Thép xây dựng	Thép cuộn VAS: D6 - D8 CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn VAS: D6 - D8 CB240-T	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	14,697	16,167		
2	Thép xây dựng	Thép cuộn VAS: D8 CB300-V	kg		Thép cuộn VAS: D8 CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	14,797	16,277		
3	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D10 Gr40/CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20	Thép thanh VAS D10 Gr40/CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,197	16,717		
4	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D12 CB300-V	kg		Thép thanh VAS D12 CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	14,617	16,079		
5	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D14-20 CB300-V	kg		Thép thanh VAS D14-20 CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	14,617	16,079		
7	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D10 CB400-V/ CB500-V	kg		Thép thanh VAS D10 CB400-V/ CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,547	17,102		
8	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D12 CB400-V/ CB500-V	kg		Thép thanh VAS D12 CB400-V/ CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,347	16,882		
9	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D14-32 CB400-V/ CB500-V	kg		Thép thanh VAS D14-32 CB400-V/ CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,347	16,882		
10	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D36 CB400-V/ CB500-V	kg		Thép thanh VAS D36 CB400-V/ CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,547	17,102		
11	Thép xây dựng	Thép thanh VAS D40 CB400-V/ CB500-V	kg		Thép thanh VAS D40 CB400-V/ CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Thanh toán trước	Đã bao gồm VC đến Hải Phòng	15,747	17,322		

Ghi chú:

- Lưu ý các hướng dẫn tại mẫu số 01 Phụ lục VIII Thông tư số 14/2023/TT-BXD:
- Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá (trường hợp thay đổi giá so với kỳ trước)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/02/2026 đến khi có thông báo mới

Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Hải Phòng MR
- Lưu:



Võ Minh Chương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CITISYS**

Số: 12 /CV-CITISYS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

V/v Đăng ký công bố giá vật liệu xây
dựng trong Công bố giá VLXD hàng
tháng của Sở Xây dựng thành phố
Hải Phòng.

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng.

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng tại công văn số 5230/SXD-KTVL ngày 30/07/2025.

Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS đề nghị Sở Xây dựng Hải Phòng xem xét đăng ký thông tin công bố giá thiết bị bộ đèn chiếu sáng do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở Xây dựng, nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về đơn vị:

- Tên đơn vị Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư số: 0317307946 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/05/2022 thay đổi lần 2 ngày 04/11/2024
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 9/11 đường 10 khu phố 5, Phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật: Lê Chí Trung
- Thông tin liên lạc của lãnh đạo đơn vị và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (Họ, tên, số điện thoại) : Anh Lê Chí Trung, số điện thoại: 098343 5278
- Thông tin liên hệ của các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

2. Thông tin về sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:

- Bảng giá sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng của đơn vị kèm theo công văn này áp dụng từ ngày 01/02/2026 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.
- Các tài liệu giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu của sản phẩm áp dụng để sản xuất.
- Các hồ sơ khác theo qui định của pháp luật (nếu có): *Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn; Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn của sản phẩm, hàng hoá theo qui định ...*



Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS cam kết về các sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định pháp luật về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh.

Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Công ty.



Lê Chí Trung



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN CITISYS**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BẢNG ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ GIÁ SẢN PHẨM HÀNG HÓA, VLXD

(Kèm theo công văn số 12/CV-CITISYS ngày 02/02/ 2026 của Công ty cổ phần tập đoàn CITISYS)

Áp dụng từ ngày 01/02/2026 đến khi có bảng báo giá mới.

STT	Chủng loại sản phẩm	Danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD (quy cách, xuất xứ, nhà sản xuất)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng)
1.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) - 50W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 50W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ	TCVN 7722-1-:2017 và TCVN 7722-2-3:2019 QCVN 19:2019/BKHCN Nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018,45001:2018. Sản phẩm bộ đèn được chứng nhận các tiêu chuẩn an toàn về điện, điện tử RoHS, CE, ENEC+ Bộ đènchứng nhận tương thích điện từ EMC (2014/30/EU).	8.650.000
2.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -80W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 80W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ		9.850.000
3.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -100W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 100W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ		11.650.000
4.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -120W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 120W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ	Sử dụng Drive, mạch modul chip led, chống sét SPD xuất xứ EU/G7. Bảo hành 6 năm	12.510.000
5.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -150W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 150W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ		13.285.000



STT	Chủng loại sản phẩm	Danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD (quy cách, xuất xứ, nhà sản xuất)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng)
6.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -180W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 180W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ		14.650.000
7.	Bộ đèn đường LED SL608 (Tembin-CT) -200W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 200W Dimming ≥8 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 175 Lm/W) chip led 5050	Bộ		15.950.000
8.	Bộ đèn đường LED SL602-50W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 50W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ	TCVN 7722-1-:2017 và TCVN 7722-2-3:2019 Nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 Sử dụng Drive, mạch modul chip led, chống sét SPD xuất xứ Trung Quốc	7.410.000
9.	Bộ đèn đường LED SL602-70W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 70W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		8.250.000
10.	Bộ đèn đường LED SL602-80W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 80W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		8.880.000
11.	Bộ đèn đường LED SL602-90W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 90W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		9.350.000
12.	Bộ đèn đường LED SL602-100W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 100W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen ≥ 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		9.860.000

STT	Chung loại sản phẩm	Danh mục sản phẩm hàng hóa VLXD (quy cách, xuất xứ, nhà sản xuất)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn giá (đồng)
13.	Bộ đèn đường LED SL602-120W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 120W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen \geq 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		11.840.000
14.	Bộ đèn đường LED SL602-150W	Bộ Đèn LED đường phố sử dụng chip SMD 150W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 1-10V/ Dali. Lumen \geq 130 Lm/W) chip led 5050	Bộ		12.550.000

Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các địa bàn trên thành phố Hải Phòng và không bao gồm thuế GTGT, không bao gồm các khuyến mại hoặc chiết khấu.

Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty cổ phần Tập đoàn CITISYS xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn đã đăng ký kê khai và niêm yết.



Lê Chí Trung



**CTY CP XÂY DỰNG VẬN TẢI
BIỂN GIA PHONG**
Số: 01/26 /CV-2026

V/v đăng ký công bố giá vật liệu xây
dựng trong Công bố giá VLXD hàng
tháng của Sở Xây dựng Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng tại Công văn số 5230/SXD-KTQLĐTXD ngày 30/07/2025 về việc cung cấp thông tin và gửi hồ sơ đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng tại Sở Xây dựng Hải Phòng;

Công ty cổ phần xây dựng vận tải biển Gia Phong đề nghị Sở Xây dựng Hải Phòng xem xét đăng ký thông tin công bố giá sản phẩm: vật liệu sơn dẻo nhiệt phản quang ASPARA nhập khẩu Malaysia ... vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở Xây dựng Hải Phòng, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin chung về Đơn vị

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần xây dựng vận tải biển Gia Phong**
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105792112 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 11 năm 2021
3. Địa chỉ đăng ký: Số 3/47 phố Đức Giang, phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
4. Địa chỉ văn phòng: Phòng 807, nhà GH6 – CT17 khu đô thị Việt Hưng, phường Việt Hưng, TP Hà Nội
5. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Hòa (Điện thoại: 0902271819)
- Điện thoại người phụ trách: Trần Thị Thu Thúy 0946596570
6. Email: giaphongshipping@gmail.com

II. Thông tin về sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:

- Bảng giá sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng của công vị kèm theo công văn này áp dụng từ ngày 01/02/2026 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới.
- Các tài liệu giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu của sản phẩm áp dụng để sản xuất;
- Các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật (nếu có)

*** Thành phần hồ sơ gồm:**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (phô tô chứng thực);
2. Thông báo số 87/VLXD-VPCN: sản phẩm không thuộc đối tượng của QCVN 16: 2017/BXD do Viện vật liệu xây dựng ký ngày 25/01/2018 (phô tô chứng thực)
3. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty cổ phần xây dựng vận tải biển Gia Phong kèm theo áp dụng từ ngày **01/02/2026** đến khi có Bảng niêm yết giá mới (bản gốc)



4. Cataloge giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu (nếu có) áp dụng để sản xuất; Chứng chỉ kết quả thí nghiệm vật tư (phô tô chứng thực)
5. Các hồ sơ khác: hợp đồng đã cung ứng cho các đơn vị khác (sao y công ty)

Công ty cổ phần xây dựng vận tải biển Gia Phong cam kết về các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định pháp luật về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh;

Công ty CP xây dựng vận tải biển Gia Phong chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hòa



Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

BẢNG ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ GIÁ SẢN PHẨM HÀNG HÓA, VLXD

(Kèm theo công văn số 01/26 /CV-2026 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Công ty CP XD vận tải biển Gia Phong)

Áp dụng từ ngày 01/02/2026 đến khi có bảng báo giá mới

STT	Nhóm vật liệu	Tên loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Giá bán chưa VAT	Thuế suất VAT	Ghi chú
1	Sơn giao thông	Bột sơn dẻo nhiệt phản quang màu trắng ASPARA Malaysia, tiêu chuẩn AASHTO M249	Kg	AASHTO M249-12 (2020)	25kg/bao	ASPARA RESOURCES SDN BHD	Malaysia		Bên Bán	25.200	10%	
2	Sơn giao thông	Bột sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng ASPARA Malaysia, tiêu chuẩn AASHTO M249	Kg	AASHTO M249-12 (2020)	25kg/bao	ASPARA RESOURCES SDN BHD	Malaysia		Bên Bán	26.000	10%	
3	Sơn giao thông	Bột sơn dẻo nhiệt phản quang màu trắng ASPARA Malaysia tiêu chuẩn BS-3262, đóng gói 25kg/bao	Kg	BS - 3262	25kg/bao	ASPARA RESOURCES SDN BHD	Malaysia		Bên Bán	24.100	10%	
4	Sơn giao thông	Bột sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng ASPARA Malaysia tiêu chuẩn BS-3262, đóng gói 25kg/bao	Kg	BS - 3262	25kg/bao	ASPARA RESOURCES SDN BHD	Malaysia		Bên Bán	24.100	10%	
5	Sơn giao thông	Bi phản quang (dùng sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt), tiêu chuẩn AASHTO M247	Kg	AASHTO M247-13 (2020) type II	25kg/bao	BEIJING HONG YUN XI INTERNATIONAL TRADE COMPANY LIMITED	Trung Quốc		Bên Bán	24.100	8%	

- Đơn giá trên chưa gồm thuế GTGT
- Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình trên địa bàn Thành phố Hải Phòng
- Phương thức giao nhận hàng: kiểm đếm thực tế





GRAND HOME

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẦU TƯ GRAND HOME

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:03/GH-DA

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

V/v Cập nhật giá vật liệu xây dựng
trong Công bố giá VLXD hàng tháng
của Sở Xây dựng Hải Phòng

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng.

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng tại văn bản số 5230/SXD-KTQLĐTXD ngày 30/07/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Grand Home đề nghị Sở xây dựng thành phố Hải Phòng xem xét cập nhật thông tin công bố giá sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở Xây dựng, nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về đơn vị:

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Grand Home.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp số 0108380685, do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 5-V6A, Khu đô thị mới Văn Phú, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Mạnh Hiếu – Tổng Giám đốc.
- Thông tin liên lạc của lãnh đạo đơn vị và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (Họ, tên, số điện thoại):
 - + Nguyễn Thị Huyền - Chức vụ: Nhân viên - Số điện thoại: 0846642333
 - + Email: senvina.xd@gmail.com

2. Thông tin về sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:

- Bảng giá sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng của đơn vị kèm theo công văn này áp dụng từ ngày 01/02/2026 đến khi có Bảng niêm yết giá mới.
- Các tài liệu giới thiệu mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế mẫu của sản phẩm áp dụng để sản xuất.
- Các hồ sơ khác theo qui định của pháp luật (nếu có): *Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, hợp chuẩn; Quyết định kèm theo giấy chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn của sản phẩm, hàng hoá theo qui định ...*



Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Grand Home cam kết về các sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định pháp luật về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Grand Home chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DA, HCNS.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ GRAND HOME**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hiếu



Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ VLXD

(Kèm theo văn bản số:03/GH-DA ngày 09/2/2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Grand Home)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Giá chưa có VAT (*)	Ghi chú
		Gạch gốm ốp lát ép bán khô Nhân hiệu Grand ceramics và Viet Y Tile						
I	Gạch ốp lát	Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2019	600x600mm	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ GRAND HOME Đ/C: NHÀ SỐ 5 - V6A KHU ĐÔ THỊ MỚI VĂN PHÚ, ĐƯỜNG LÊ TRỌNG TẤN, PHƯỜNG KIẾN HƯNG, TP. HÀ NỘI SDT: 0846642333	184,500	Giá từ 02/2026 tại công trình địa bàn Hải Phòng
II		Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2019	300x600mm		184,500	
III		Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2019	400x800mm		320,850	
IV		Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2019	800x800mm		294,300	

Ghi chú:

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT, đã bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình tại thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ GRAND HOME



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Kiên